

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: **9541**/SKHĐT-ĐTTĐGS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **21** tháng 12 năm 2020

V/v Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động
đấu thầu năm 2020 và Báo cáo tình hình
thực hiện đấu thầu qua mạng năm 2020

Kính gửi:

- Sở - ban - ngành Thành phố;
- Ủy ban nhân dân các quận - huyện;
- Các Tổng Công ty, Công ty trực thuộc Thành phố;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Thành phố.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 8320/BKHĐT-QLĐT ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2020 và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 83/UBND-DA ngày 09 tháng 01 năm 2020, Công văn số 3499/UBND-DA ngày 14 tháng 9 năm 2020 về đơn đốc tình hình triển khai áp dụng đấu thầu qua mạng;

Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các Sở – ban – ngành, Ủy ban nhân dân các quận – huyện, các Tổng Công ty, Công ty và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thành phố triển khai 02 báo cáo sau:

1. Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2020:

Thực hiện yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 8320/BKHĐT-QLĐT ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2020; căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 (khoản 4 Điều 81, khoản 1 Điều 83 và khoản 2 Điều 84), Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 (khoản 13 Điều 129), Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2020 (khoản 3 Điều 91) của Chính phủ, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) và Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2020 như sau:

1.1. Nội dung báo cáo:

Nội dung báo cáo theo hướng dẫn tại Công văn số 8320/BKHĐT-QLĐT ngày 16 tháng 12 năm 2020, bao gồm 03 phần như sau:

- Phần I: Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2020, theo đề cương hướng dẫn tại Phụ lục 1.

- Phần II: Tổng hợp số liệu về công tác đấu thầu, theo mẫu biểu hướng dẫn tại Phụ lục 2.

- Phần III: Tổng hợp các đơn vị trực thuộc/thành viên không thực hiện báo cáo hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo về thời hạn và nội dung theo mẫu biểu hướng dẫn tại Phụ lục 3. Trường hợp cơ quan, đơn vị không có đơn vị trực thuộc/thành viên thì không báo cáo phần này.

Đề cương hướng dẫn và các biểu mẫu được đăng tải tại trang thông tin điện tử <http://www.dpi.hochiminhcity.gov.vn>, mục Thông tin cần biết – Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2020.

**Lưu ý: Để chuẩn xác số liệu và tránh trùng lặp về nội dung, các cơ quan, đơn vị phải tổng hợp báo cáo của các đơn vị trực thuộc/thành viên và thống kê danh sách theo Phụ lục 3 (nếu có). Sở Kế hoạch và Đầu tư không tổng hợp số liệu báo cáo của các đơn vị trực thuộc/thành viên.*

1.2. Thời hạn, cách thức báo cáo:

Quý cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 08 tháng 01 năm 2021**; bắt buộc thực hiện đồng thời theo hai phương thức sau:

- Gửi báo cáo trực tiếp bằng văn bản hoặc văn bản liên thông chữ ký số (có chữ ký và đóng dấu, bao gồm phần nội dung báo cáo và phần tổng hợp số liệu) đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 32 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1;

- Gửi file word (nội dung báo cáo theo Phụ lục 1, Phụ lục 3) và file excel (phần thống kê số liệu theo Phụ lục 2, từ Biểu 2.1 đến Biểu 2.7) vào địa chỉ email pdttdgsdt.skhdtd@tphcm.gov.vn. Tiêu đề gửi file bao gồm tên đơn vị gửi và nội dung “Báo cáo đấu thầu năm 2020” (Ví dụ: Sở Kế hoạch và Đầu tư – Báo cáo đấu thầu năm 2020).

Đối với phần tổng hợp số liệu phải **định dạng file excel theo đúng hướng dẫn tại Phụ lục 2** để phục vụ cho việc nhập số liệu tổng hợp lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp định dạng file không đúng, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị chỉnh sửa báo cáo.

Báo cáo công tác đấu thầu hàng năm là nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ theo quy định. Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các cơ quan, đơn vị khẩn trương thực hiện, gửi báo cáo **đúng thời hạn và đầy đủ nội dung** theo yêu cầu. Trường hợp không báo cáo, báo cáo chậm tiến độ hoặc nội dung không đầy đủ, cơ quan, đơn vị sẽ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố. Việc thực hiện báo cáo công tác đấu thầu năm 2020 sẽ được tổng hợp tính điểm thi đua năm 2021.

2. Báo cáo tình hình thực hiện đấu thầu qua mạng năm 2020:

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 83/UBND-DA ngày 09 tháng 01 năm 2020 và Công văn số 3499/UBND-DA ngày 14 tháng 9 năm 2020 về đơn đốc tình hình triển khai áp dụng đấu thầu qua mạng, trong đó, chỉ đạo “*Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố số liệu đấu thầu qua mạng hàng quý trên địa bàn thành phố*”.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình thực hiện đấu thầu qua mạng cả năm năm 2020. **Các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình thực hiện đấu thầu qua mạng các gói thầu của dự án đầu tư công, dự toán mua sắm và dự án kích cầu.** Đối với các cơ quan, đơn vị không có dự án, dự toán, dự án kích cầu trong năm 2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các cơ quan, đơn vị vẫn gửi văn bản nêu rõ tình hình của đơn vị, để Sở có cơ sở tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Nội dung báo cáo theo Phụ lục đề cương và biểu mẫu được đăng tải tại trang thông tin điện tử <http://www.dpi.hochiminhcity.gov.vn>, mục Thông tin cần biết – Báo cáo tình hình thực hiện đấu thầu qua mạng năm 2020. Quý cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 31 tháng 12 năm 2020**; bắt buộc thực hiện đồng thời theo hai phương thức sau:

- Gửi báo cáo trực tiếp bằng văn bản hoặc liên thông có chữ ký số (*bao gồm phần nội dung báo cáo và phần tổng hợp số liệu*) đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 32 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1;

- Gửi file word (*nội dung báo cáo theo Phụ lục 1*) và file excel (*phần thống kê số liệu theo Phụ lục 2, từ Biểu 2.1 đến Biểu 2.2*) vào địa chỉ email pdtdgsdt.skhdtd@tphcm.gov.vn. Tiêu đề gửi file bao gồm tên đơn vị gửi và nội dung “Báo cáo đấu thầu qua mạng cả năm 2020” (*Ví dụ: Sở Kế hoạch và Đầu tư – Báo cáo đấu thầu qua mạng cả năm 2020*).

Bên cạnh đó, qua quá trình tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về công tác đấu thầu qua mạng trong Quý I, Quý II và Quý III năm 2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận thấy số lượng báo cáo của các đơn vị vẫn chưa đầy đủ; theo đó chỉ có khoảng 80% đơn vị có báo cáo, vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện báo cáo theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Điều này dẫn đến kết quả tổng hợp, đánh giá tình hình áp dụng đấu thầu qua mạng trên địa bàn thành phố chưa phản ánh đầy đủ và chính xác theo tình hình thực tế. Đồng thời, chưa có cơ sở để Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định việc đảm bảo đúng lộ trình áp dụng đấu thầu qua mạng theo Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Nhằm đảm bảo thực hiện đúng chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện, gửi báo cáo **đúng thời hạn và đầy đủ nội dung** theo yêu cầu. Trong báo cáo tình hình thực hiện đấu thầu qua mạng cả năm 2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ thống kê và kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố có biện pháp phê bình đối với các cơ quan, đơn vị không thực hiện báo cáo trong cả năm 2020.

Mọi chi tiết về 02 báo cáo nêu trên xin liên hệ bà Nguyễn Thị Ánh Xuân (Phòng Đấu thầu, Thẩm định và Giám sát đầu tư) DD: 090.137.7978, ĐT: 028.38.29.49.88, Fax: 38.295.008.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các đơn vị báo cáo đúng thời hạn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP (để báo cáo);
- BGĐ;
- Các phòng: VP, KTN, KGVX, PPP, DNKTTT&TN, KTĐN, TTS;
- Trung tâm TVĐT&HTĐT;
- Lưu: VT, ĐTTĐGS (Xuân 120b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Anh Tuấn

PHỤ LỤC 1
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU
NĂM 2020



(Đính kèm văn bản số 9571/SKHĐT-ĐTTĐGS ngày 21/12/2020
của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2020 theo các nội dung sau:

Phần I. Tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu

I. Kết quả thực hiện

1. Tổng hợp chung về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2020:

- Tổng hợp chung kết quả thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển và dự toán mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ bao gồm: tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm chung theo lĩnh vực đấu thầu; theo hình thức lựa chọn nhà thầu; theo phân loại dự án;

- Tổng hợp kết quả thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA bao gồm: tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm theo lĩnh vực đấu thầu và theo hình thức lựa chọn nhà thầu.

2. Việc chỉ đạo, điều hành về công tác đấu thầu:

- Báo cáo về tình hình chỉ đạo điều hành và công tác đấu thầu trên địa bàn, lĩnh vực phụ trách gồm: việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, văn bản phân cấp trong đấu thầu và đánh giá tác động của các văn bản đó đối với hoạt động đấu thầu trên địa bàn, lĩnh vực phụ trách;

- Cập nhật tên và chức danh của Lãnh đạo phụ trách trực tiếp công tác đấu thầu trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành hoặc địa phương, doanh nghiệp theo quy định tại khoản 13 Điều 129 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

3. Công tác phổ biến, quán triệt việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu:

Kết quả về việc phổ biến, quán triệt việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu trong năm, trong đó nêu rõ các hình thức phổ biến, quán triệt; số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến, quán triệt thực hiện pháp luật về đấu thầu, số lượng đại biểu tham gia.

4. *Tình hình thực hiện việc đăng tải thông tin trong đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng:*

Báo cáo kết quả thực hiện đấu thầu qua mạng theo các nội dung dưới đây:

a) Kết quả thực hiện việc đăng tải thông tin trong đấu thầu.

b) Kết quả thực hiện việc lựa chọn nhà thầu qua mạng: Nêu rõ số lượng các gói thầu thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng, giá trị trúng thầu, lĩnh vực đấu thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, số lượng gói thầu lựa chọn nhà thầu qua mạng mà nhà thầu được ưu đãi trúng thầu, số lượng kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng đã được đăng tải, số lượng gói thầu đấu thầu qua mạng bị hủy thầu và lý do hủy thầu. Xác định tỷ lệ, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện đấu thầu qua mạng theo lộ trình đã quy định tại Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT.

5. *Công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu:*

Báo cáo về số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra (gồm các cuộc kiểm tra chuyên sâu về đấu thầu, các cuộc thanh tra, kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu) và các vấn đề chính được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra.

6. *Công tác đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu:*

Báo cáo về đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động đấu thầu, bao gồm: tổng số lượng cán bộ tham gia hoạt động đấu thầu, số lượng cán bộ có chứng chỉ, chứng nhận đã tham gia khóa học đấu thầu và đấu thầu qua mạng;

- Số lượng các khóa đào tạo về đấu thầu (cơ bản, nâng cao, đấu thầu qua mạng, theo chuyên đề...), số lượng học viên.

7. *Giải quyết kiến nghị, xử lý vi phạm:*

- Việc giải quyết kiến nghị về đấu thầu, bao gồm: số lượng văn bản kiến nghị nhận được, cách thức và kết quả giải quyết kiến nghị;

- Việc xử lý vi phạm trong đấu thầu: tổng số tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, số lượng quyết định xử lý vi phạm, hình thức xử lý vi phạm, công khai xử lý vi phạm.

8. *Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại các dự án/gói thầu:*

Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại các gói thầu thuộc dự án/dự toán bao gồm: số lượng, quốc tịch nhà thầu, lĩnh vực thực hiện của nhà thầu trúng thầu (điện, giao thông, xây dựng...).

9. *Tình hình triển khai Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 04/4/2017, Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 03/CT-TTg*

ngày 24/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Công tác ngăn ngừa, xử lý các hành vi tiêu cực trong đấu thầu.

Báo cáo về việc tổ chức quán triệt, biện pháp thực hiện và kết quả thực hiện nội dung các Chỉ thị, tác động của các Chỉ thị đến hoạt động đấu thầu trên địa bàn, lĩnh vực phụ trách.

10. *Tình hình triển khai thực thi Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA trong công tác lựa chọn nhà thầu.*

11. *Các nội dung khác (nếu có).*

II. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu năm 2020

Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị năm 2020 theo **từng nội dung nêu tại Mục I**, bao gồm:

1. Kết quả đạt được;
2. Hạn chế, tồn tại;
3. Nguyên nhân.

III. Giải pháp và kiến nghị

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu năm 2020, các cơ quan, đơn vị đề xuất kiến nghị và giải pháp để đảm bảo triển khai tốt công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong năm 2020.

Phần II. Tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

I. Kết quả thực hiện

1. *Tổng hợp chung về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư năm 2020:*

Tổng hợp kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực, địa phương mình quản lý, bao gồm: số lượng dự án lựa chọn thực hiện theo hình thức đối tác công tư theo quy định của Chính phủ về đầu tư PPP; số lượng dự án đầu tư sử dụng đất, xã hội hóa theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 1 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP; hình thức, phương thức lựa chọn nhà đầu tư, phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

2. *Công tác phổ biến, quán triệt việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư:*

- Kết quả việc phổ biến, quán triệt bằng văn bản.
- Số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến, quán triệt thực hiện pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP/dự án đầu tư có sử dụng đất,

dự án phải đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa đơn vị mình tổ chức trong năm 2020, số lượng đại biểu tham gia.

- Số lượng các khóa đào tạo về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP/dự án đầu tư có sử dụng đất đơn vị mình tổ chức trong năm 2020, số lượng học viên.

- Các hình thức phổ biến, quán triệt khác.

3. Tình hình thực hiện việc đăng tải thông tin trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư:

Báo cáo kết quả thực hiện đăng tải thông tin trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP/dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ và Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Đơn vị tổng hợp số lượng danh mục dự án, thông báo mời sơ tuyển, kết quả sơ tuyển, kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, thông báo mời thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư, hợp đồng dự án PPP đã đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong năm 2020. Nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình đăng tải.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư:

Báo cáo số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra (gồm các cuộc kiểm tra chuyên sâu về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, các cuộc thanh tra, kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư) và các vấn đề chính được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra.

5. Giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư:

Báo cáo về việc giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP/dự án đầu tư có sử dụng đất, bao gồm: số lượng văn bản kiến nghị nhận được, cách thức và kết quả giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm về đấu thầu (tổng số tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, hình thức xử lý vi phạm, công khai xử lý vi phạm).

6. Thông tin về nhà đầu tư nước ngoài trúng thầu tại các dự án:

Thông tin về nhà đầu tư nước ngoài trúng thầu tại các dự án PPP/dự án đầu tư có sử dụng đất, bao gồm: số lượng, quốc tịch nhà đầu tư, thông tin cơ bản về dự án (địa điểm, quy mô, công suất, tổng mức đầu tư...).

7. Thông tin về các dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu nhưng chọn áp dụng quy định của Luật Đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư:

Thông tin cơ bản về các dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu nhưng chọn áp dụng quy định của Luật Đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư: lĩnh vực đầu tư, quy mô, công suất, tổng mức đầu tư, địa điểm ...

8. Cập nhật tên và chức danh của Lãnh đạo phụ trách trực tiếp công tác đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành hoặc địa phương, doanh nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

9. Các nội dung khác (nếu có).

II. Hạn chế, tồn tại, nguyên nhân

Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của hạn chế, tồn tại này trong quá trình thực hiện dự án PPP/dự án có sử dụng đất trong năm 2020 của đơn vị.

III. Giải pháp và kiến nghị

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư năm 2020, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương, các Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91 nêu các kiến nghị, đề xuất và kế hoạch thực hiện cho năm tiếp theo để đảm bảo hiệu quả, hiệu lực trong quản lý và thực hiện hoạt động đấu thầu.

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm văn bản số 9541/SKHDT-DTĐGS ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

BẢO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ AN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NĂM 2020 THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1*, KHOẢN 2 VÀ KHOẢN 4 ĐIỀU 1 LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		Dự án quan trọng quốc gia (a)				Dự án nhóm A (b)				Dự án nhóm B (c)				Dự án nhóm C (d)				Tổng (a + b + c + d)			
		Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU																					
1. Phi tư vấn		KQM																			
		QM																			
		KQM																			
		QM																			
2. Tư vấn		KQM																			
		QM																			
		KQM																			
		QM																			
3. Mua sắm hàng hóa		KQM																			
		QM																			
		KQM																			
		QM																			
4. Xây lắp		KQM																			
		QM																			
		KQM																			
		QM																			
5. Hỗn hợp		KQM																			
		QM																			
		KQM																			
		QM																			
Tổng cộng I																					
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																					
1. Rộng rãi**		KQM																			
		Trong nước																			
		Quốc tế																			
		KQM																			
2. Hạn chế		KQM																			
		Trong nước																			
		Quốc tế																			
		KQM																			
3. Chỉ định thầu		KQM																			
		Trong nước																			
		Quốc tế																			
		KQM																			
4. Chào hàng cạnh tranh		KQM																			
		Trong nước																			
		Quốc tế																			
		QM																			
5. Mua sắm trực tiếp		KQM																			
		Trong nước																			
		Quốc tế																			
		KQM																			
6. Tự thực hiện		KQM																			
		Trong nước																			
		Quốc tế																			
		KQM																			
7. Đặc biệt		KQM																			
		Trong nước																			
		Quốc tế																			
		KQM																			
8. Tham gia thực hiện của công đồng		KQM																			
		Trong nước																			
		Quốc tế																			
		KQM																			
Tổng cộng II																					

Ghi chú: Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả các gói thầu sử dụng vốn đối ứng trong dự án ODA

* Riêng đối với các gói thầu sử dụng nguồn mua sắm thường xuyên quy định tại điểm d và các điểm e, g khoản 1 Điều 1 Luật Đầu thầu năm 2013

** Mua sắm tập trung (dự án) được tổng hợp tại Biểu này đồng thời tổng hợp tại biểu 2.4

KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)

QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 Người báo cáo
 (tên, số điện thoại, địa chỉ email)



Đính kèm văn bản số **9341** /SKHĐT-DTĐTĐGS ngày **21** tháng 12 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

PHỤ LỤC 2

BÁO CÁO TỜNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
CÁC GÓI THẦU MUA SẴM SỬ DỤNG NGUỒN VỐN MUA SẴM THƯỜNG XUYÊN NĂM 2020 THEO
QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM D, Đ, E VÀ G KHOẢN 1 ĐIỀU 1 LƯẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13

Biểu 2.2

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		Tổng số gói thầu (1)	Tổng giá gói thầu (2)	Tổng giá trúng thầu (3)	Chênh lệch (4)=(2)-(3)
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU					
1. Phi tư vấn		KQM			
		QM			
2. Tư vấn		KQM			
		QM			
3. Mua sắm hàng hóa		KQM			
		QM			
4. Xây lắp		KQM			
		QM			
Tổng cộng I					
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU					
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	QM			
		KQM			
2. Hạn chế	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	QM			
		KQM			
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	KQM			
		KQM			
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	QM			
		KQM			
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	KQM			
		KQM			
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	KQM			
		KQM			
7. Đặc biệt	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	KQM			
		KQM			
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM			
		KQM			
Tổng cộng II					

Ghi chú: Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả (1) gói thầu dùng vốn đối ứng trong dự án ODA đã được cân đối trong nguồn chi thường xuyên và (2) mua sắm tập trung được tổng hợp tại biểu 2.4

KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)

QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)



PHỤ LỤC 2
(Đính kèm văn bản số **9541** /SKHĐT-DITĐCS ngày **21** tháng 12 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu 2.3

BẢO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NĂM 2020 THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC	Dự án qua tương quốc gia do Quốc hội chủ trương đầu tư				Dự án nhóm A				Dự án nhóm B				Dự án nhóm C				Tổng (a + b + c + d)			
	(a)				(b)				(c)				(d)							
	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)
1. Phí tư vấn	KOM																			
2. Tư vấn	OM																			
3. Mua sắm hàng hóa	KOM																			
4. Xây lắp	OM																			
5. Hỗ trợ	KOM																			
Tổng cộng I																				
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																				
1. Rõ ràng (ICS, OCBS, OBS, FBS, LCS, CQS, ICB, NCB...)	Trong nước	KOM																		
	Quốc tế	OM																		
2. Hạn chế (LIB...)	Trong nước	KOM																		
	Quốc tế	OM																		
3. Chỉ định thầu (SSS, Direct contracting...)	Trong nước	KOM																		
	Quốc tế	KOM																		
4. Chào hàng cạnh tranh (shopping)	Trong nước	KOM																		
	Quốc tế	OM																		
5. Mua sắm trực tiếp (repeat order)	Trong nước	KOM																		
	Quốc tế	KOM																		
6. Tư thực hiện (force account)	Trong nước	KOM																		
7. Tham gia thực hiện của công đồng	Trong nước	KOM																		
Tổng cộng II		KOM																		

Ghi chú: Phần đối ứng ngân sách nhà nước của các dự án này, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu 2.1
Nguồn vốn ODA và vay ưu đãi đã được cân đối trong chi thường xuyên, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu 2.2
KOM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)
OM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
Người báo cáo
 (tên, số điện thoại, địa chỉ email)



PHỤ LỤC 2

Biểu 2.4

Đính kèm văn bản số **3574** /SKHDT-DTTDGS ngày **21** tháng 12 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư
 Thông tin, số liệu cụ thể về công tác lựa chọn nhà thầu theo phương thức mua sắm tập trung năm 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Giá gói thầu	Mặt hàng mua sắm	Số lượng mua sắm	Cách thức lựa chọn nhà thầu (Qua mạng/không qua mạng)	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Số lượng nhà thầu mua/nhận HSM, HSYC	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HS DX	Số lượng nhà thầu vào bước đánh giá tài chính	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Giá ký hợp đồng	Loại Hợp đồng	Cách thức ký hợp đồng (Hợp đồng khung/hợp đồng trực tiếp)
I. Tên đơn vị mua sắm													
I. Dự toán mua sắm 1													
1.1. Tên gói thầu 1													
1.2. Tên gói thầu 2													
....													
Tổng cộng I													
II. Tên đơn vị mua sắm													
I. Dự toán mua sắm 1													
1.1. Tên gói thầu 1													
1.2. Tên gói thầu 2													
....													
Tổng cộng II													
III. Tổng cộng (I+II+...)													

Ghi chú: Mua sắm tập trung tổng hợp tại biểu thời đồng hợp tại Biểu 2.1 và 2.2

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 Người Báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)



PHỤ LỤC 2

Biểu 2.5

(Đính kèm văn bản số 3574 /SKHDT-DTĐGS ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Bảo cáo tổng hợp kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của

Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA năm 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định (CPTPP, EVFTA)	Giá gói thầu	Giá trị của tùy chọn mua thêm	Lĩnh vực lựa chọn nhà thầu (Tư vấn, phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, dịch vụ xây dựng)	Hình thức lựa chọn nhà thầu (đấu thầu rộng rãi nội địa/ quốc tế, chỉ định thầu nội địa/ quốc tế)	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSDX	Số lượng nhà thầu vào bước đánh giá tài chính	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Giá hợp đồng	Loại hợp đồng
I. Tên cơ quan mua sắm 1											
I. Dự án, dự toán mua sắm 1											
I.1. Tên gói thầu 1											
I.2. Tên gói thầu 2											
....											
I. Dự án, dự toán mua sắm 2											
I.1. Tên gói thầu 1											
....											
Tổng cộng I											
II. Tên cơ quan mua sắm 2											
I. Dự án, dự toán mua sắm 1											
I.1. Tên gói thầu 1											
....											
I. Dự án, dự toán mua sắm 2											
I.1. Tên gói thầu 1											
....											
Tổng cộng II											
III. Tổng cộng (I+II+...)											

Ghi chú: Các cơ quan mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA phải báo cáo nội dung tại Biểu này.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)



PHỤ LỤC 2

(Đính kèm văn bản số **3524** /SKHĐT-DTĐDGS ngày **21** tháng 12 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu 2.6

BẢO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ NĂM 2020

Tên dự án	Thông tin dự án ⁽¹⁾	Trạng thái dự án ⁽²⁾	Lĩnh vực đầu tư ⁽³⁾	Loại hợp đồng ⁽⁴⁾	Hình thức sơ tuyển ⁽⁵⁾	Số lượng nhà đầu tư mua HSMST (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDST (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư trúng sơ tuyển (nếu áp dụng sơ tuyển)	Phương thức lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁶⁾	Phương pháp đánh giá về tài chính - thương mại ⁽⁷⁾	Số lượng nhà đầu tư mua/nhận HSMST/HSYC	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDX/HSDX	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁸⁾	Thời gian lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁹⁾	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án
I. Dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập															
Dự án 1															
Dự án 2															
...															
II. Dự án do nhà đầu tư đề xuất															
Dự án 1															
Dự án 2															
...															

(1): Ghi các thông tin sau của dự án: đơn vị chuẩn bị dự án (ghi rõ thông tin nhà đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án), tổng vốn đầu tư, quy mô, công suất, diện tích đất đề thực hiện dự án, phần nhà nước tham gia trong dự án PPP;

(2): Ghi các trạng thái của dự án đến thời điểm báo cáo: đã công bố danh mục dự án, đã/dang thực hiện sơ tuyển, đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, đã/dang thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đã lựa chọn được nhà đầu tư, đã ký kết hợp đồng;

(3): Ghi tên lĩnh vực theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP;

(4): Ghi thông tin loại hợp đồng theo báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt;

(5): Ghi sơ tuyển trong nước hoặc sơ tuyển quốc tế;

(6): Ghi phương thức lựa chọn nhà đầu tư theo quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt;

(7): Ghi rõ nội dung phương pháp đánh giá về tài chính - thương mại: phương pháp giá dịch vụ (yêu cầu về giá dịch vụ), phương pháp vốn góp của nhà nước (yêu cầu về phần vốn góp nhà nước tham gia thực hiện dự án), phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước (yêu cầu về đề xuất nộp ngân sách nhà nước), phương pháp kết hợp (mô tả rõ nội dung của phương pháp);

(8): Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn;

(9): Ghi thời gian lựa chọn nhà đầu tư được tính từ khi phát hành hồ sơ mời sơ tuyển hoặc HSMST (nếu không áp dụng sơ tuyển) đến khi có Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 Người báo cáo
 (Tên, số điện thoại, địa chỉ email)



PHỤ LỤC 2

Đính kèm văn bản số **3574** /SKHDT-DTDDGS ngày **21** tháng 12 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu 2.7A

BÁO CÁO TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ LỰA CHỌN ĐƯỢC NHÀ ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2020 THEO QUY ĐỊNH CỦA LƯẬT ĐẦU THẦU, NGHỊ ĐỊNH SỐ 30/2015/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 25/2020/NĐ-CP

Đơn vị: Triệu đồng

PHÂN LOẠI HÌNH THỨC ĐẦU THẦU		Tổng số dự án	Tổng đề xuất nộp ngân nhà nước yêu cầu trong HSMT, HSYC	Tổng đề xuất nộp ngân sách nhà nước được đề nghị trảng thầu	Chênh lệch
1. Rộng rãi	Trong nước				
	Quốc tế				
2. Chỉ định thầu	Trong nước				
	Quốc tế				
3. Đặc biệt	Trong nước				
	Quốc tế				
Tổng cộng					

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
Người báo cáo
 (Tên, số điện thoại, địa chỉ email)



PHỤ LỤC 2

Đính kèm văn bản số 35741 /SKHDT-DTTPDGS ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Biểu 2.7B

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 30/2015/NĐ-CP ⁽¹⁾

Tên dự án	Thông tin dự án ⁽²⁾	Trạng thái dự án ⁽³⁾	Loại dự án ⁽⁴⁾	Hình thức sơ tuyển ⁽⁵⁾	Số lượng nhà đầu tư mua HSMST (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDST (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư trúng sơ tuyển (nếu áp dụng sơ tuyển)	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁶⁾	Số lượng nhà đầu tư mua/nhận HSMT/ HSYC	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDT/ HSDX	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁷⁾	Thời gian lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁸⁾	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án
Dự án 1													
Dự án 2													
...													

- (1): Dự án thuộc các trường hợp chuyển tiếp theo Nghị định số 30/NĐ-CP;
- (2): Ghi các thông tin sau của dự án theo Danh mục dự án được phê duyệt: tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng), diện tích đất để thực hiện dự án;
- (3): Ghi trạng thái của dự án: Đã công bố danh mục dự án, đã/dang thực hiện sơ tuyển, đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, đã/dang thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đã lựa chọn được nhà đầu tư, đã ký kết hợp đồng;
- (4): Ghi loại công trình dự án theo tiêu chí phân loại sau: Công trình thuộc đô thị, khu đô thị mới; Nhà ở thương mại; Công trình thương mại và dịch vụ; Tờ hợp đa năng;
- (5): Ghi sơ tuyển trong nước hoặc sơ tuyển quốc tế (nếu áp dụng sơ tuyển);
- (6): Ghi hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt;
- (7): Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn;
- (8): Ghi thời gian lựa chọn nhà đầu tư được tính từ khi phát hành hồ sơ mời sơ tuyển hoặc HSMT (nếu không áp dụng sơ tuyển) đến khi có Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người báo cáo

(Tên, số điện thoại, địa chỉ email)



PHỤ LỤC 2

Đính kèm văn bản số 3541 /SKHDT-DTBDGS ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Biểu 2.7C

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 25/2020/NĐ-CP

Tên dự án	Thông tin dự án ⁽¹⁾	Trạng thái dự án ⁽²⁾	Loại dự án ⁽³⁾	Công bố danh mục dự án ⁽⁴⁾	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDK thực hiện dự án	Số lượng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm	Quyết định chủ trương đầu tư ⁽⁵⁾	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁶⁾	Số lượng nhà đầu tư mua/nhận HSM/HSYC	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDT/HSDX	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁷⁾	Thời gian lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁸⁾	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án
1. Dự án do Nhà nước có thẩm quyền lập													
Dự án 1													
Dự án 2													
...													
2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất													
Dự án 1													
Dự án 2													
...													

- (1): Ghi các thông tin sau của dự án theo Danh mục dự án được phê duyệt: tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường; giải phóng mặt bằng, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất), diện tích đất để thực hiện dự án;
- (2): Ghi trạng thái của dự án: Đã công bố danh mục dự án, đã có kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, đang thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đã lựa chọn được nhà đầu tư, đã ký kết hợp đồng;
- (3): Ghi loại công trình dự án theo tiêu chí phân loại sau: Công trình nhà ở thương mại; công trình thương mại, dịch vụ; công trình đa năng; tổ hợp đa năng cho mục đích kinh doanh;
- (4): Ghi công bố danh mục dự án theo quyết định phê duyệt công bố danh mục dự án (Đã công bố DMDA/Chưa công bố DMDA);
- (5): Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn theo Quyết định chủ trương đầu tư;
- (6): Ghi hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt;
- (7): Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn;
- (8): Ghi thời gian lựa chọn nhà đầu tư được tính từ khi phát hành hồ sơ mời sơ tuyển hoặc HSM/HSMT (nếu không áp dụng sơ tuyển) đến khi có Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
Người báo cáo
(Tên, số điện thoại, địa chỉ email)



PHỤ LỤC 2

3574 /SKHDT-DTĐGS ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu 2.7D

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN PHẢI TỔ CHỨC ĐẦU THẦU THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH, PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA NĂM 2020 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 25/2020/NĐ-CP

Tên dự án	Thông tin dự án ⁽¹⁾	Lĩnh vực ⁽²⁾	Công bố danh mục dự án ⁽³⁾	Số lượng nhà đầu tư quan tâm	Trạng thái dự án ⁽⁴⁾
1. Dự án do Nhà nước có thẩm quyền lập					
Dự án 1					
Dự án 2					
...					
2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất					
Dự án 1					
Dự án 2					
...					

- (1): Ghi các thông tin của dự án;
- (2): Ghi lĩnh vực: Y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, môi trường...
- (3): Ghi công bố danh mục dự án theo quyết định phê duyệt công bố danh mục dự án (Đã công bố DMDA/Chưa công bố DMDA);
- (4): Ghi trạng thái của dự án: Đã công bố danh mục dự án, đang đấu thầu, đã có kết quả lựa chọn nhà đầu tư, đã ký hợp đồng, đã có quyết định chủ trương đầu tư.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
Người báo cáo
(Tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 3
DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHÔNG
THỰC HIỆN BẢO CẠO HOẶC THỰC HIỆN NHƯNG KHÔNG ĐẢM BẢO
VỀ THỜI HẠN VÀ NỘI DUNG THEO YÊU CẦU

(Đính kèm văn bản số **3549/SKHDT-DTĐGS** ngày **21/12/2020** của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

STT	TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	KHÔNG BẢO CẠO	BẢO CẠO KHÔNG ĐẢM BẢO VỀ THỜI HẠN VÀ NỘI DUNG THEO YÊU CẦU	
			VỀ THỜI HẠN	VỀ NỘI DUNG
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
....				

Ghi chú:

- Biểu này dành cho Bộ, ngành, địa phương, các Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91 tổng hợp danh sách các cơ quan, đơn vị do mình quản lý không thực hiện báo cáo hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo về thời hạn và nội dung theo yêu cầu.
- Đánh dấu "X" và ô tương ứng. Ví dụ: Không đảm bảo thời hạn, đánh dấu "X" vào cột "về thời hạn".

PHỤ LỤC I
ĐỀ CƯƠNG BẢO CAO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU THẦU QUA MÀNG

(Đính kèm văn bản số 9541/SKHĐT-BTTCGS ngày 12 tháng 12 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

I. Tình hình thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng:

1. Tình hình thực hiện các gói thầu nằm trong hạn mức bắt buộc đầu thầu qua mạng 100% theo quy định điểm a khoản 1 Điều 29 Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2019:

- Số lượng các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh đã thực hiện và đang thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng; tổng giá trị gói thầu, tổng giá trị trúng thầu, giá trị chênh lệch; tỷ lệ số lượng gói thầu và tỷ lệ tổng giá trị gói thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2019.

- Số lượng và giá trị các gói thầu nằm trong hạn mức bắt buộc thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng, nhưng cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện lựa thầu không qua mạng, lý do.

- Tổng hợp số liệu báo cáo theo Biểu 2.1. Số liệu báo cáo lũy kế từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến kỳ báo cáo.

2. Tình hình thực hiện các gói thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2019:

- Số lượng các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh đã và đang thực hiện lựa chọn nhà thầu thông thường (không qua mạng); tổng giá trị gói thầu, tổng giá trị trúng thầu, giá trị chênh lệch.

- Số lượng các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh đã và đang thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng (tổng các gói thầu nằm trong hạn mức bắt buộc đầu thầu qua mạng 100% và các gói thầu nằm ngoài hạn mức bắt buộc đầu thầu qua mạng nhưng cơ quan, đơn vị đã tổ chức đấu thầu qua mạng); tổng giá trị gói thầu, tổng giá trị trúng thầu, giá trị chênh lệch.

- Tỷ lệ số lượng gói thầu và tỷ lệ tổng giá trị gói thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2019: “đạt tới thiểu 60% số lượng gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh và tổng giá trị gói thầu đạt tới thiểu 25% tổng giá trị các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh”. Nêu nguyên nhân nếu tỷ lệ không đạt theo chỉ tiêu quy định.

- Tổng hợp số liệu báo cáo theo Biểu 2.2. Số liệu báo cáo lũy kế từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến kỳ báo cáo.

II. Đánh giá việc thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng

1. Kết quả đạt được;

2. Hạn chế, tồn tại;
3. Nguyên nhân.

III. Phương hướng, giải pháp:

Các cơ quan, đơn vị đề xuất phương hướng, giải pháp để đảm bảo triển khai tốt công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu qua mạng năm 2020 theo lộ trình quy định tại Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2019.

IV. Kiến nghị:

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu qua mạng, các cơ quan, đơn vị đề xuất kiến nghị.



PHỤ LỤC 2
BIỂU 2.1

(Đính kèm theo Công văn số 5341 /SKHĐT-DTĐDGS ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

(Theo điểm a khoản 1 Điều 29 Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT)

Dvt: Triệu đồng

THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU	ĐẦU THẦU RỘNG RÃI (1)				CHÀO HÀNG CẠNH TRANH (2)				TỔNG (1) + (2)			Ghi chú
	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch (giá gói thầu - giá trúng thầu)	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch (giá gói thầu - giá trúng thầu)	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
	KQ/M	Q/M										
1. Phí tư vấn				0				0	0	0	0	0
		Q/M		0				0	0	0	0	0
2. Tư vấn				0				0	0	0	0	0
		Q/M		0				0	0	0	0	0
3. Mua sắm hàng hóa				0				0	0	0	0	0
		Q/M		0				0	0	0	0	0
4. Xây lắp				0				0	0	0	0	0
		Q/M		0				0	0	0	0	0
Tổng cộng		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng KQ/M		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng Q/M		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tỷ lệ % tổng số gói thầu QM/tổng số gói thầu (**)												
Tỷ lệ % tổng giá trị gói thầu QM/tổng giá trị gói thầu (**)												

(*) Bảng biểu tổng hợp số liệu các gói thầu bắt buộc áp dụng đầu thầu qua mạng 100%: đầu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh thuộc lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn có giá gói thầu không quá 5 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực xây lắp có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng (theo điểm a khoản 1 Điều 29 Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT)

- KQ/M: các gói thầu nằm trong hạn mức bắt buộc phải đầu thầu qua mạng theo quy định, nhưng đơn vị tổ chức đầu thầu thông thường (không qua mạng);

- Q/M: các gói thầu nằm trong hạn mức bắt buộc phải đầu thầu qua mạng theo quy định;

- Số liệu tổng hợp các gói thầu đã và đang triển khai. Đối với các gói thầu đang triển khai, đơn vị nhập tổng giá trị gói thầu là giá trị gói thầu tại thời điểm phát hành Hồ sơ mời thầu; tổng giá trúng thầu là số ước bằng giá trị gói thầu.

- Lấy kế số liệu báo cáo từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm báo cáo.

(**) Tỷ lệ tổng số gói thầu Q/M và tỷ lệ tổng giá trị gói thầu Q/M đều phải đạt 100%

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người thực hiện bảng biểu

(Họ và tên, Số điện thoại, Địa chỉ email)



PHỤ LỤC 2
BIỂU 2.2

(Đính kèm Công văn số 9541 /SKHDT-DTĐDGS ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

(Theo điểm b khoản 1 Điều 29 Thông tư số 11/2019/TT-BKHDT)

Dvt: Triệu đồng

QUA MẠNG/KHÔNG QUA MẠNG	ĐẦU THẦU RỘNG RÃI (1)				CHÀO HÀNG CẠNH TRANH (2)				TỔNG (1) + (2)				Ghi chú
	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch (giá gói thầu - giá trúng thầu)	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch (giá gói thầu - giá trúng thầu)	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	
	KQ/M			0				0	0	0	0	0	
Q/M				0				0	0	0	0	0	
Tổng cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tỷ lệ % tổng số gói thầu Q/M/tổng số gói thầu (**)	#DIV/0!				#DIV/0!				#DIV/0!				
Tỷ lệ % tổng giá trị gói thầu Q/M/tổng giá trị gói thầu (**)	#DIV/0!				#DIV/0!				#DIV/0!				

(*) Bảng biểu tổng hợp số liệu các gói thầu theo điểm b khoản 1 Điều 29 Thông tư số 11/2019/TT-BKHDT:

- KOM: các gói thầu thực hiện đấu thầu thông thường, nằm ngoài hạn mức bắt buộc phải đấu thầu qua mạng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 Thông tư số 11/2019/TT-BKHDT + các gói thầu nằm trong hạn mức bắt buộc đấu thầu qua mạng nhưng vì lý do đặc thù đã không tổ chức đấu thầu qua mạng

- QM: tổng các gói thầu nằm trong hạn mức bắt buộc phải đấu thầu qua mạng theo quy định + các gói thầu nằm ngoài hạn mức bắt buộc đấu thầu qua mạng, nhưng đơn vị đã thực hiện đấu thầu qua mạng:

- Số liệu tổng hợp các gói thầu đã và đang triển khai. Đối với các gói thầu đang triển khai, đơn vị nhập tổng giá gói thầu là giá trị gói thầu tại thời điểm phát hành Hồ sơ mời thầu; tổng giá trúng thầu là số ước bằng giá trị gói thầu.

- Lưu ý số liệu báo cáo từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm báo cáo.

(**) Số tổng phải đạt tối thiểu 60% số lượng gói thầu, đạt tối thiểu 25% tổng giá trị các gói thầu

..... ngày.....tháng.....năm.....
Người thực hiện bảng biểu
(Họ và tên, Số điện thoại, Địa chỉ email)